

MỘT VÀI CÁI NHÌN VỀ IMF VÀ WB SAU 50 NĂM HOẠT ĐỘNG

Trong bối cảnh kỷ niệm 50 năm thành lập IMF và WB và trong thời điểm mà Việt Nam đang bắt đầu hưởng những khoản vay của IMF và WB, thiết tưởng cũng nên nhìn lại kinh nghiệm công nợ nước ngoài của một vài nước để tự tìm cho mình một lan-can an toàn (garde-fou) ngõ hầu tránh cảnh "đời cha ăn mặn, đời con khát nước", nhất là khi, như mọi người đã biết, một phần lớn số công nợ nước ngoài này sẽ được đầu tư cho việc xây dựng cơ bản cơ sở hạ tầng, một lĩnh vực mà sự thất thoát vốn, như mọi người đã biết, được thừa nhận là vào khoảng từ 25 đến 30%... Mặt khác, những điều chỉnh cơ cấu theo "quỹ đạo" của WB và IMF, vừa là cần thiết để có thể hội đủ điều kiện vay tín dụng, vừa có tính tích cực của sự đổi mới nền kinh tế song vẫn hàm chứa những bất trắc mà nhiều nước đi trước đã từng gặp phải, cũng là một đề tài để suy nghĩ.

HÃY GIẢM BỚT CÔNG NỢ NƯỚC NGOÀI!!

Hôm 29.9.94, IMF và WB đã đưa ra một lời kêu gọi các nước đang phát triển hãy cố gắng hạn chế bớt những công nợ nước ngoài (nguồn tin *Euronews*). Lời kêu gọi này được đưa ra trong bối cảnh 2 định chế tài chính quốc tế này đang

DANH ĐỨC

gánh chịu rất nhiều những chỉ trích rằng chính 2 định chế này, trong 50 năm hoạt động đã qua, kể từ khi thành lập vào tháng 7.1944 theo tinh thần thoả hiệp Bretton Woods, là đã can thiệp quá nhiều vào việc hoạch định chính sách kinh tế tài chính của các quốc gia-con nợ khiến các quốc gia này, thay vì tận hưởng và sử dụng một cách hiệu quả các khoản nợ quốc tế (chủ yếu do 2 định chế này cung cấp), đã ngày càng lún sâu trong "vũng lầy" công nợ của họ. Một trong những "tiếng kêu trong sa mạc" tại hội nghị Cairo tháng 9.94 về

dân số và môi trường là từ các nước châu Phi muốn được xoá giảm nợ nước ngoài và tiếng kêu cứu này đã bị chìm khuất trong những tranh cãi về vấn đề kế hoạch hoá gia đình.

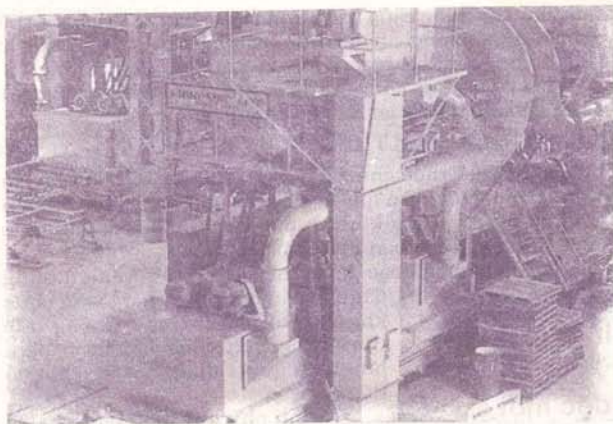
Thông thường, quy trình vay mượn nợ của các nước nơi IMF và WB như sau: quốc gia đó được tham gia IMF và WB, được đóng góp vào quỹ chung và từ đó được quyền vay nợ đặc biệt (DTS) sau khi đã đệ trình và được duyệt y một kế hoạch điều chỉnh cơ cấu (ajustement structurel) kinh tế tài chính lý giải sự tương ứng của chính sách kinh tế tài chính nước đó với khuynh hướng chung của thế giới xác định bởi IMF và WB, cùng hiệu quả dự kiến của khoản nợ dự định vay. Đại thể sự điều chỉnh cơ cấu kinh tế tài chính đó phải gồm những nội dung sau đây: tự do hoá thị trường,

giải tư các xí nghiệp quốc doanh (được xem là thua lỗ), khuyến khích lĩnh vực tư nhân, tăng cường mậu dịch quốc tế, mở cửa thị trường nội địa, hạn chế những phiên toái đối với các nhà đầu tư nước ngoài... bên cạnh các biện pháp "khắc khổ" như điều chỉnh tỉ giá ngoại tệ để hỗ trợ xuất khẩu đồng thời phải khống chế được lạm phát qua việc giảm biên chế dư thừa, giảm bao cấp xã hội, giảm quỹ lương hầu giảm bội chi ngân sách...

NGƯỢC DÒNG LỊCH SỬ CÔNG NỢ NƯỚC NGOÀI TRÊN THẾ GIỚI

Từ 15 năm qua, cụ thể là từ 1980, WB đã tiến hành cho vay trên cơ sở điều chỉnh cơ cấu. Quyết định này được đưa ra để giải quyết bài toán "mất khả năng thanh toán" mà một số nước đang phát triển, do vay mượn quá nhiều trong thập niên 70 nơi các ngân hàng tư doanh phương Tây, đến nỗi không còn đủ khả năng trả lãi chứ khoan nói đến trả vốn. Do đó WB và IMF đưa ra đề nghị điều chỉnh cơ cấu kinh tế tài chính ngõ hầu có thể điều chỉnh lại được sự tăng trưởng đồng thời ổn định được sự tăng trưởng đó. Từ 1980 đến nay, hơn 70 quốc gia đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu kinh tế tài chính, tổng cộng có đến hơn 566 dự án... (số liệu *Le Monde Diplomatique* 9.94). Và, trái với sự mong đợi của mọi người cũng như của Huân tước John Maynard Keynes, một trong những người "lĩnh xướng" thoả





hiệp Bretton Woods (ông có mặt tại hội nghị Bretton Woods, đầu rằng chỉ 2 năm sau ông sẽ qua đời) một nhân vật được xem là "cột trụ" lý thuyết của nền kinh tế thế giới của hậu bán thế kỷ 20, các kết quả mong đợi như là một phép lạ kỳ ảo theo cách nói của cựu TT Mỹ Reagan, người được dành cho một "mỹ từ" kinh tế là "Reaganomics". Các cố vấn kinh tế của cựu TT Reagan đã chủ trương như sau, theo phân tích của Walden Bello và Shea Cunningham trên *Le Monde Diplomatique* 9.94: họ hiểu rõ rằng một trong những nhiệm vụ lớn của họ là phục hồi sự thống trị kinh tế thế giới thứ ba và họ đã sử dụng các biện pháp điều chỉnh cơ cấu theo kiểu của IMF và WB như là công cụ hành động.

WB và IMF tự bào chữa trong một bản báo cáo đưa ra trong năm nay ("L'ajustement structurel en Afrique: réformes, résultats et chemin à parcourir", Banque Mondiale, Washington D.C., 1994) rằng chính những nước châu Phi nào tuân thủ một cách nghiêm chỉnh nhất những yêu cầu điều chỉnh kinh tế đều có được tỷ lệ tăng trưởng cao nhất. Thế nhưng, cách đây 4 năm, IMF lại đưa ra một báo cáo cho thấy "tỷ lệ tăng trưởng giảm rõ rệt tại các nước trải qua điều chỉnh kinh tế" ("The Macroeconomic Effects of Fund-supported Adjustment Programs", IMF, Staff Papers 6.1990).

Dùng hay sai, thực tế của một số nước đã cho thấy

một sự thật trái nghịch. Mali chẳng hạn, sau 12 lần điều chỉnh kinh tế, giá cả đã tăng 117%. Tại Mexico, sau 13 năm điều chỉnh kinh tế, 20% dân số lao động rơi vào tình trạng thất nghiệp, 40% bị thiếu dụng, hơn phân nửa dân số sống dưới mức nghèo khổ. Tại Bờ biển Ngà, thu nhập dân chúng giảm 50% từ năm 1980.

Tổng số nợ nước ngoài của các nước đang phát triển hiện là 1770 tỷ đôla (1993) trong khi vào năm 1980 là 658 tỷ (số liệu WB trong "World Debt Tables 1993-1994"). Các nước-con nợ ngày nay phải tập trung sản xuất phục vụ xuất khẩu hầu thu lại ngoại tệ để trả nợ. Trong thời gian từ 1984 đến 1990 đã thanh toán cho các ngân hàng thương mại quốc tế đã lên đến 178 tỷ đôla.

NHỮNG HẬU QUẢ CỦA CÔNG NỢ NƯỚC NGOÀI

a. Hậu quả xã hội

Ông Enrique Iglesias, Chủ tịch ngân hàng phát triển liên Mỹ (BID) nhận định như sau: "Các chương trình điều chỉnh này đã xóa sạch phần lớn những thành tựu đã đạt trong những năm 60-70. Theo một báo cáo khác của WB, (*Global Economic Prospects and the Developing Countries*, 1993) các bất công xã hội đã trở nên nghiêm trọng hơn: 200 triệu người sống dưới ngưỡng nghèo khổ trên một tổng số là 690 triệu và đến năm 2.000 sẽ tăng lên đến 300 triệu người. Tại Nam Mỹ 20% dân số có thu nhập bình quân cao gấp 20 lần thu nhập của 20% dân số nghèo

nhất, (*The Financial Times*, 16.9.93). Tất cả đã trở nên bi thảm đến nỗi viên chức đặc trách về châu Phi của WB, ông Morris Miller, đã phải viết: "Chúng tôi đã không ngờ rằng các tổn thất về phương diện con người của các chương trình điều chỉnh này lại cao đến thế đồng thời các thu hoạch kinh tế lại chậm gặt hái được như vậy".

b. Hậu quả môi trường.

Việc "siêu khai thác" phục vụ xuất khẩu đã làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên. Tại Ghana, một nước được xem là "học trò ngoan" của IMF, chỉ trong 3 năm 1984-1987, lượng gỗ chế biến xuất khẩu đã tăng gấp đôi song diện tích rừng chỉ còn 25% so với diện tích nguyên thủy. Người ta e rằng đến năm 2.000 Ghana không còn rừng nữa. Trong khi đó, WB vẫn lập luận rằng cảnh khó nghèo là nguyên nhân gây tổn thất tài nguyên môi trường mà không chấp nhận luận cứ cho rằng chính các nguyên nhân dẫn đến khó nghèo ngày càng trầm trọng so với một bộ phận khác của xã hội đã khiến cho người dân phải "siêu khai thác" tài nguyên thiên nhiên.

c. Món nợ phải trả: một trường hợp điển hình.

Theo Michèle Marin-gues trong *Bilan économique et social*, 1993, (nxb *Le Monde*), Nigeria, nước sản xuất dầu hỏa hàng đầu ở châu Phi với sản lượng 100 triệu tấn/năm (khoảng gấp 15 lần Việt Nam, dân số 90 triệu người) ngày nay đang gánh chịu một khoản nợ nước ngoài vượt quá PIB của mình. 30 tỷ đô la, mà riêng khoản nợ phải trả hàng năm đã chiếm đến 34% thu nhập cả nước.

KINH NGHIỆM ĐÔNG Á

Thế nhưng cũng trong quãng thời gian đó, các nước Đông Á quanh vòng đai Thái bình dương đã cho thấy một kinh nghiệm thành tựu đáng kể: đây hiện là khu vực tăng trưởng cao nhất thế giới.

Ít nhất có 2 yếu tố giải thích thành công này. Trước hết, trái với châu Mỹ

latinh và châu Phi vốn bị hút vốn đầu tư từ thập niên 80, các nước Đông Á trong khoảng thời gian từ 1985 đến 1990 đã thu hút được hơn 40 tỷ đôla đầu tư của Nhật. Riêng Thái Lan, chỉ trong năm 1987, đã nhận được vốn đầu tư của Nhật bằng cả 20 năm trước đó. Nhờ thu hút được vốn đầu tư nên áp lực do việc vay nợ nước ngoài cũng giảm bớt và nhờ đó có thể "lách" tránh những kế hoạch điều chỉnh cưỡng bách. Malaysia và Đài Loan tuyệt đối không chịu điều chỉnh cơ cấu. Hàn Quốc, Thái Lan điều chỉnh theo cách của mình hơn là theo khuyến cáo của IMF và WB. Hàn Quốc vẫn là một thành trì thương mại. Mãi đến gần đây, TT Kim Young Sam mới chịu nhượng bộ nhập chút đỉnh gạo nước ngoài để giữ vững vị trí của mình trong GATT. Cả Hàn Quốc và Đài Loan là 2 nước thành đạt nhất đã thần nhiên giữ vững vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc hoạch định kế hoạch kinh tế, xác định các ưu tiên trong lĩnh vực công nghiệp hoá, tiếp tục tài trợ (bao cấp) một số lĩnh vực hầu giúp thị trường nội địa vẫn là "sân nhà" của các ngành công nghiệp trong nước. Nhập khẩu vẫn bị hạn chế, đầu tư nước ngoài vẫn phải nằm trong khuôn khổ các ưu tiên công nghiệp hoá do Nhà nước chọn lựa, chứ không thả nổi cho đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ để tam đẳng. Riêng Philippines, ngược lại, trong thời gian đó, lại ngoan ngoãn tiến hành điều chỉnh cơ cấu những 15 lần, hậu quả là vẫn lết đệt nhất.

Walden Bello và Shea Cunningham trong bài viết trên *Le Monde diplomatique* 9.94 đã kết luận: "Ở những nước đó, các tỉ lệ tăng trưởng cao với mọi như thế không hề là kết quả của những sự điều chỉnh cơ cấu theo khuôn mẫu của WB và IMF mà là kết quả của sự đề kháng quyết liệt những bức bách đó." Trên đây là vài cái nhìn về IMF và WB, những cái nhìn không lạc quan lắm. Song đôi khi cũng nên không nên phẫn khởi quá để có thể tỉnh táo... ♣